TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 88/2026/HS-ST
Ngày: 16/6/2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨAVIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

+ Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Hoà Thanh

+ Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thành

Bà Trần Thị Cúc

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Xuân Lợi - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Khánh Hòa.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Khánh Hòa tham gia phiên tòa*:** Bà Phan Minh Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Khánh Hòa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 62/2026/TLST-HS ngày 03 tháng 4 năm 2026; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2026/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 4 năm 2026, Thông báo thay đổi ngày xét xử số 18/TB-TA ngày 21/4/2026, Quyết định hoãn phiên toà số 36/2026/HSST-QĐ ngày 06 tháng 5 năm 2026, Thông báo thay đổi ngày xét xử số 22/TB-TA ngày 25 tháng 5 năm 2026 đối với bị cáo:

Nguyễn Hữu L, sinh năm: 2000 tại Khánh Hòa; nơi cư trú: Tổ dân phố P, phường Đ, tỉnh Khánh Hòa; nghề nghiệp: Nhân viên bảo vệ; trình độ văn hóa (học vấn): 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hữu H, sinh năm: 1960 và bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm: 1970; bị cáo có vợ là Phan Thị Mỹ K, sinh năm: 2005 (chưa đăng ký kết hôn), chưa có con; tiền án: Không; tiền sự: Không.

Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam. Hiện đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt

- *Bị hại:* Công ty Cổ phần D1 - Chi nhánh K1. Địa chỉ: F H, phường Đ, tỉnh Khánh Hòa.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phan Đình D, sinh năm: 1990; trú tại: B P, phường C, tỉnh Khánh Hòa (Theo Giấy ủy quyền lập số 1362/GUQ-GHN/2024 ngày 14/10/2024). Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Bà Nguyễn Thị Phương U, sinh năm: 2000; trú tại: Tổ dân phố D Đ, phường Đ, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

- *Người làm chứng:*

1/ Ông Nguyễn Thanh L1, sinh năm: 2001; trú tại: Tổ dân phố P, phường Đ, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

2/ Bà Phùng Thị Kim L2, sinh năm: 1987; trú tại: Tổ dân phố N, phường Đ, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

3/ Ông Trần Minh T, sinh năm: 1985; trú tại: C H, phường Đ, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

4/ Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm: 2000; trú tại: Tổ dân phố N, phường Đ, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị Phương U là nhân viên xử lý đơn hàng, chịu trách nhiệm quản lý và điều phối trong quá trình giao, tiếp nhận hàng tại bưu cục N, phường Đ, tỉnh Khánh Hòa; nhận tiền COD từ nhân viên giao hàng trong ngày và nộp vào tài khoản của công ty giao hàng nhanh.

Từ tháng 7/2023 Nguyễn Hữu L từng là nhân viên giao hàng chính thức tại công ty cổ phần và dịch vụ giao hàng nhanh, làm việc tại bưu cục N có địa chỉ tại H H, phường Đ, tỉnh Khánh Hòa (trước đây là 82 H, phường N, thị xã N, Khánh Hòa). Tháng 6/2024 Công ty đã khóa tài khoản giao hàng và quyết định cho nghỉ việc đối với Nguyễn Hữu L.

Sau khi nghỉ việc, do L vẫn còn nợ tiền công ty, U muốn trừ dần số tiền còn thiếu hụt nên vẫn giao hàng cho L dưới tài khoản Nguyễn Thanh L1 (là nhân viên giao hàng chính thức tại bưu cục), mục đích là để lấy tiền lương bù vào các khoản tiền L còn nợ công ty, được L1 đồng ý.

Từ ngày 07 đến ngày 09 tháng 8 năm 2024, Nguyễn Hữu L đã nhận và giao thành công 02 kiện hàng với tổng giá trị 14.963.000 đồng nhưng không nộp lại tiền thu hộ cho U nhập vào quỹ mà giữ tiêu xài cá nhân. Cụ thể:

Đơn hàng mã G8KDXUBF người nhận T2 số điện thoại 0867467725 với số tiền thu được 11.154.000 đồng, L đăng nhập vào ứng dụng tên tài khoản Nguyễn Thanh L1 tích vào mục đơn hàng hẹn giao ngày mai để U thấy đơn hàng chưa giao được. Tương tự, đơn hàng mã G8K3VKQD tên người nhận Chị L2 số

điện thoại 0355457969 giá trị thu được 3.809.000 đồng khách hàng đã chuyển khoản qua tài khoản 0898728305 tại ngân hàng M cho Nguyễn Hữu L.

Đối với đơn hàng mã GHNMP0025825313 VNA tên người nhận Nguyễn Văn T1 số điện thoại 0582035260, L thông báo cho U đơn hàng này đã hủy giao cho khách do không liên lạc được, nhưng sau đó khách hàng liên hệ lại nên L đã giao hàng và nhận được số tiền 2.907.500 đồng thanh toán bằng chuyển khoản. Sang ngày hôm sau, L sợ đơn hàng từ sàn thương mại L3 đã báo lên hệ thống hủy giao hàng phải hoàn trả lại cho shop nhưng L vẫn tự ý giao cho khách hàng là sai quy trình, nên L nộp số tiền đã thu được cho U để nộp lại cho công ty xử lý theo quy định. Sau đó L nghỉ việc và bỏ đi khỏi địa phương.

Nguyễn Thị Phương U với trách nhiệm quản lý và điều phối trong quá trình giao, tiếp nhận hàng tại bưu cục N, sau khi phát hiện đơn hàng tồn kho đã quá hạn thì hỏi L về việc giao hàng, L thừa nhận đã giao được hàng và thu tiền nhưng báo sai trên hệ thống. Uyên nhiều lần yêu cầu L nộp lại tiền nhưng L nói cần tiền chữa bệnh cho mẹ nên U tin tưởng. Uyên không thông báo cho công ty vì lo sợ trách nhiệm trong quản lý nên che giấu cho L về việc chưa nộp lại tiền bằng cách báo lên hệ thống quản lý 03 đơn hàng chưa giao thành công để hoàn đơn. Hết ngày lưu kho tại bưu cục N phải hoàn trả hàng về lại cho người gửi. Nhằm che dấu và kéo dài thời gian việc đơn hàng đã được giao nhưng chưa thu lại được tiền từ L để nộp vào tài khoản công ty, vào các ngày 16, 17 và ngày 21 tháng 8 năm 2024 Nguyễn Thị Phương U đã lấy các vật có ngoại quan giống với 03 đơn hàng trên, tiến hành gia cố, in phiếu đơn hàng, ngụy tạo thành đơn hàng hoàn lại cho khách hàng do không giao hàng được.

Công ty nhận được khiếu nại của khách hàng về việc hàng hoàn không đúng, qua kiểm tra phát hiện do U tạo hàng rỗng hoàn về kho nên trình báo công an vào ngày 14/10/2024. Ngày 18/10/2024 Nguyễn Thị Phương U đã nộp khắc phục hậu quả vào tài khoản công ty Cổ phần dịch vụ giao hàng nhanh 03 đơn hàng số tiền 17.667.000đ bao gồm tiền cá nhân U 14.739.000 và 2.928.000đ là tiền L thu được của đơn hàng.

Tại Cáo trạng số: 31/CT-VKSVN ngày 15 tháng 12 năm 2025, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Khánh Hòa đã truy tố bị cáo Nguyễn Hữu L về tội *"Lạm dụng tín nhiệm chiếm doạt tài sản"* theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

- Bị cáo Nguyễn Hữu L đã khai nhận hành vi phạm tội của mình và xin giảm nhẹ hình phạt.

- Đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo theo tội danh như trên và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175; các tình tiết giảm nhẹ tại điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; không có tình tiết tăng nặng. Đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo từ 06 (sáu) đến 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 (mười hai) đến 18 (mười tám) tháng.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị không xét về bồi thường thiệt hại về tài sản giữa bị cáo Nguyễn Hữu L và Công ty Cổ phần D1 - Chi nhánh K1.

Đề nghị không xét về việc bồi hoàn về tài sản giữa bị cáo và bà Nguyễn Thị Phương U.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Khánh Hoà, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người đại diện theo uỷ quyền của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa, tuy vắng mặt người đại diện theo uỷ quyền của bị hại, người làm chứng là bà Phùng Thị Kim L2, ông Trần Minh T, ông Nguyễn Văn T1. Tuy nhiên họ đã có lời khai trong hồ sơ vụ án và sự vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án. Vì vậy, căn cứ Điều 292, 293 của Bộ luật Tố tụng Hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[2] Về chứng cứ xác định có tội: Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Hữu L đã khai nhận hành vi của bị cáo như nội dung Cáo trạng số: 31/CT-VKS-HS ngày 15 tháng 12 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Khánh Hoà đã nêu. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người đại diện theo uỷ quyền của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng; phù hợp với các chứng cứ khác đã được Cơ quan Cảnh sát điều tra thu thập được.

Như vậy, đủ cơ sở kết luận: Trong thời gian từ ngày 07/8/2024 đến ngày 09/8/2024, tại bưu cục N có địa chỉ tại số H H, phường Đ, tỉnh Khánh Hòa. Nguyễn Hữu L được Nguyễn Thị Phương U giao hàng để thu hộ thành công 02 đơn hàng tổng giá trị 14.963.000 đồng nhưng L báo chưa giao hàng thành công sau đó chiếm đoạt tiền và bỏ trốn.

Theo quy định về tội *"Lạm dụng tín nhiệm chiếm doạt tài sản"* tại điểm a khoản 1 Điều 175 của Bộ luật Hình sự thì:

"1. Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 4.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 4.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản hoặc đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 173, 174 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm hoặc tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại và gia đình họ, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Vay, mượn, thuê tài sản của người khác hoặc nhận được tài sản của người khác bằng hình thức hợp đồng rồi dùng thủ đoạn gian dối hoặc bỏ trốn để chiếm đoạt tài sản đó hoặc đến thời hạn trả lại tài sản mặc dù có điều kiện, khả năng nhưng cố tình không trả;

...".

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Xét hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, vì cần tiền tiêu xài cá nhân mà bị cáo đã lừa dối bà U, dựa vào sự tin tưởng của bà U để chiếm đoạt của Công ty giao hàng nhanh số tiền 14.963.000đ (mười bốn triệu chín trăm sáu mươi ba nghìn đồng). Vì vậy, cần phải xử phạt bị cáo một mức án nghiêm minh, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo mới cải tạo, giáo dục bị cáo và ngăn ngừa những hành vi tương tự.

Tuy nhiên, xét thấy bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đã tự nguyên bồi thường khắc phục hậu quả, là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; có nơi cư trú rõ ràng, gia đình có hoàn cảnh khó khăn thuộc trường hợp áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, i, s khoản 1 Điều 51, Điều 54, Điều 65 của Bộ luật Hình sự, không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội, cho bị cáo được hưởng án treo để bị cáo tự cải tạo, cũng đủ tác dụng giáo dục và ngăn ngừa chung.

Tại phiên toà sơ thẩm ngày 25/3/2026 Toà án nhân dân khu vực 4 – Khánh Hoà đã ban hành Quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung số 09/2026/HSST-QĐ ngày 25/3/2026 để yêu cầu điều tra bổ sung đối với hành vi của Nguyễn Thị Phương U có vai trò là đồng phạm giúp sức cho bị cáo Nguyễn Hữu L hay không? Tuy nhiên Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Khánh Hoà đã có công văn số 534/CV-VKS-HS ngày 02/4/2026 xác định Nguyễn Thị Phương U không có vai trò là đồng phạm giúp sức cho bị cáo Nguyễn Hữu L và vẫn giữ nguyên nội dung Cáo trạng.

[4] Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại Công ty cổ phần D1 bị bị cáo chiếm đoạt số tiền 14.963.000đ (mười bốn triệu chín trăm sáu mươi ba nghìn đồng), tại phiên toà đại diện theo uỷ quyền của Công ty cổ phần D1 vắng mặt nhưng căn cứ vào các lời khai của đại diện theo uỷ quyền của Công ty cổ phần giao hàng nhanh có tại hồ sơ vụ án thì không còn yêu cầu bị cáo phải bồi thường khoản tiền nào khác và cũng không còn yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là bà Nguyễn Thị Phương U đã thay bị cáo bồi thường cho Công ty cổ phần D1 số tiền 14.963.000đ (mười bốn triệu chín trăm sáu mươi ba nghìn đồng). Bị cáo đã trả lại cho bà U đủ số tiền trên. Tại phiên toà bà U không yêu cầu bị cáo phải bồi hoàn khoản tiền nào khác và cũng không còn yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Hữu L phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật với số tiền 200.000đ (hai trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 175; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51, 54, 65 của Bộ luật Hình sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 136, Điều 293, Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội đối với bị cáo Nguyễn Hữu L.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu L 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (mười tám) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm về tội *"Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"*. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường Đ, tỉnh Khánh Hoà giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

* Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

- Về trách nhiệm dân sự:

Không xét về bồi thường thiệt hại về tài sản giữa bị cáo Nguyễn Hữu L và Công ty cổ phần D1.

Không xét về việc bồi hoàn về tài sản giữa bị cáo Nguyễn Hữu L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Nguyễn Thị Phương U.

- Về án phí:

Bị cáo Nguyễn Hữu L phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

- Quyền kháng cáo của bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt là 15 ngày kể từ ngày tuyên án; quyền kháng cáo của bị hại vắng mặt là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xét xử phúc thẩm.

* Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại Điều 6, 7,7a và 9 Luật

Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND khu vực 4 - Khánh Hòa;
- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Khánh Hòa;
- Cơ quan THAHS Công an tỉnh Khánh Hòa;
- THADS tỉnh Khánh Hòa;
- Phòng Hồ sơ nghiệp vụ CA tỉnh Khánh Hòa;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: VT, HSVA, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(ĐÃ KÝ)

Võ Thị Hòa Thanh

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**